

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân

2. Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 21/3/2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị D và anh K chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị D và anh K sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, nên chị D yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh K; về

con chung: trong thời gian chung sống chị D và anh K không có con chung, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt, nên không có trình bày ý kiến. Tại bản tự khai do anh K lập ngày 12 tháng 3 năm 2021, anh K thống nhất với phần trình bày của chị D về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn; thống nhất về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: anh K thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh và chị D là vợ chồng; về con chung: anh và chị D không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D với anh K, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn,” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, anh K có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu về hôn nhân của chị D. Chị D và anh K tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/3/2004, trên tinh thần tự nguyện của anh chị. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 08/2021 thì anh chị không sống chung cho đến nay, hai bên cũng không còn tình cảm, không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét về quan hệ hôn nhân của chị D và anh K đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ của anh chị không làm phát sinh nguyên, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; chị D và anh K đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị D là có căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: anh K và chị D cùng xác định, trong thời gian chung sống anh và chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Chị D và anh K đều thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: anh K không chịu án phí; chị D phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh K không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K không phải chịu án phí; chị D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006969 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan